

Thứ tư, ngày 4 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh nhẹ

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/3/2020		●	
Tuần 2/3-6/3/2020		●	
Tháng 3/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nhịp điều chỉnh mạnh diễn ra vào phiên sáng nhưng thị trường đã hồi phục trở lại nhờ dòng tiền đầu tư lan tỏa vào những cổ phiếu trụ cột như HPG, PNJ, POW, HVN. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước, biên độ rộng thu hẹp và độ rộng thị trường ở mức tích cực phản ánh hoạt động giao dịch cần trọng của nhà đầu tư khi FED tuyên bố cắt giảm 0.5% lãi suất xuống 1.00-1.25%. FED nhắm tới chính sách kích cầu tăng trưởng kinh tế khi sự lây lan của virus corona đang tác động tiêu cực lên nền kinh tế Hoa Kỳ. Đồng thời, quyết định này của FED có thể tạo thêm dư địa cho chính sách tiền tệ ở các nước phát triển nhằm đối phó với ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Sars-Cov-2 trong thời gian tới. Bên cạnh đó, khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng mạnh trên cả 2 sàn chứng khoán. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng và tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến tình hình dịch bệnh Sars-Cov-2.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2004, các HĐTL đều tăng trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 825 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/03/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng_1.0%. 14/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn** VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.0%**, con số này của VNINDEX là -0.1%.

Phân tích kỹ thuật: ACV_ Hồi phục trung hạn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, STB, KSB, TIG, TAR**

Cập nhật iBroker: VNM, QNS, SAB, GTN, VHC

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.24 điểm**, đóng cửa 889.37. HNX-Index **+1.44 điểm**, đóng cửa 114.02.
- Kéo chỉ số tăng: **HVN (+0.64); STB (+0.14); STB (+0.13); TPB (+0.13); GEG (+0.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.06); BID (-0.88); VCB (-0.54); VNM (-0.25); SAB (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,652 tỷ đồng**, **-9.1%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.78 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 164 mã tăng, 81 mã tham chiếu và 133 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-357.71 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (46.6 tỷ), VHM (42.0 tỷ) và TLG (38.9 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-142.55 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

889.37

Giá trị: 2652.77 tỷ

-1.24 (-0.14%)

Khối ngoại (ròng): -357.71 tỷ

HNX-INDEX

114.02

Giá trị: 992.92 tỷ

1.44 (1.28%)

Khối ngoại (ròng): -142.55 tỷ

UPCOM-INDEX

55.54

Giá trị: 0.35 tỷ

0.07 (0.13%)

Khối ngoại(ròng): 23.67 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	47.3	0.23%
Giá vàng	1,636	-0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,210	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,907	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,608	-0.31%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	-0.36%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-15.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	31.2	SHB	-103.9
ACV	15.5	MSN	-46.6
LPB	10.6	VHM	-42.0
PHR	6.2	TLG	-39.0
SVC	4.7	PVS	-34.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **14/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn** VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BDS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.0%**, con số này của VNINDEX là -0.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **2/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn** VNINDEX
- **1/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn** VNINDEX

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

4/3/2020

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	1.0%	2.5%	6.1%	-7.6%	-18.3%	-25.8%	-11.4%	18.4%
Dầu khí	0.7%	1.2%	-0.8%	-17.8%	-21.5%	-17.9%	-7.1%	22.8%
Lãi suất giảm	0.5%	0.2%	2.9%	-3.8%	-7.7%	-10.8%	33.2%	17.7%
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	1.3%	1.4%	-8.8%	-11.8%	-8.7%	31.1%	16.2%
VN FinSelect	0.3%	0.8%	3.0%	7.1%	9.2%	6.6%	38.7%	18.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	2.5%	0.8%	-11.5%	-12.8%	-23.2%	24.1%	21.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	1.2%	3.3%	-0.4%	-1.1%	9.2%	55.8%	17.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.2%	0.6%	2.6%	9.1%	11.9%	9.9%	44.3%	19.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-0.3%	-0.1%	-5.4%	-7.8%	-5.3%	37.5%	14.8%
VN Diamond	0.1%	0.6%	4.1%	2.8%	2.7%	12.7%	55.5%	17.2%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	-1.3%	-2.9%	-7.3%	-6.3%	-7.3%	-1.6%	18.7%
FTSE Việt Nam	-0.1%	-0.8%	-4.9%	-10.5%	-10.9%	-11.8%	62.6%	15.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-1.0%	-4.8%	-11.9%	-12.3%	-13.3%	55.0%	13.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	-0.3%	0.0%	-4.1%	-4.4%	0.3%	50.0%	15.5%
Ngân hàng	-0.2%	0.5%	0.5%	9.0%	13.3%	18.8%	81.4%	21.7%
Nước & Năng lượng	-0.2%	-0.6%	2.1%	-12.0%	-13.5%	-12.9%	30.1%	14.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-0.8%	1.7%	-4.0%	-4.7%	-0.5%	34.3%	14.6%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	-1.5%	0.8%	-10.3%	-14.5%	-10.2%	37.0%	17.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.3%	-1.2%	0.2%	1.9%	3.0%	19.8%	89.6%	19.4%
Ngành Dược	-0.4%	-2.9%	-6.3%	-2.5%	3.2%	2.4%	33.7%	17.8%
Chiến tranh thương mại	-1.0%	0.6%	2.8%	-10.9%	-16.4%	-10.9%	0.1%	15.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.5%	0.3%	4.4%	-1.1%	-3.4%	3.0%	57.4%	20.2%
Danh mục 5	0.4%	-0.7%	-1.8%	-8.5%	-9.3%	-5.6%	49.4%	18.7%
Danh mục 18	-0.1%	-0.1%	-4.0%	-2.0%	-2.7%	-3.5%	86.4%	19.5%
Danh mục 9	-0.7%	-0.3%	-0.9%	-3.5%	-1.5%	10.4%	71.0%	17.4%
Danh mục 11	-0.7%	-0.3%	1.3%	1.0%	-0.8%	5.9%	46.1%	18.8%

* Note **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	0.3%	0.0%	0.4%	-5.9%	-4.6%	-3.3%	42.7%	16.8%
Danh mục 20	-0.2%	0.3%	1.9%	-4.8%	-3.7%	5.8%	63.0%	16.9%
Danh mục 25	-0.3%	0.0%	0.7%	-3.3%	-5.9%	11.0%	86.4%	16.8%
Danh mục 22	-0.6%	-0.9%	-0.3%	-2.7%	-2.2%	15.5%	59.8%	16.8%
Danh mục 19	-0.7%	0.2%	0.2%	-5.4%	-4.1%	7.6%	45.1%	15.4%

* Note **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

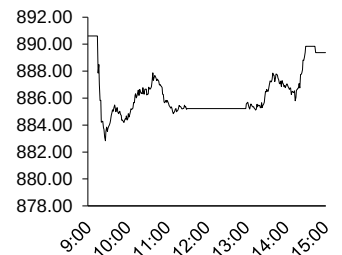
INDEX								
VNINDEX	-0.1%	-0.7%	-4.3%	-8.3%	-9.6%	-9.2%	24.0%	15.4%
VN30INDEX	0.0%	-0.4%	-0.9%	-5.4%	-6.1%	-8.4%	25.3%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

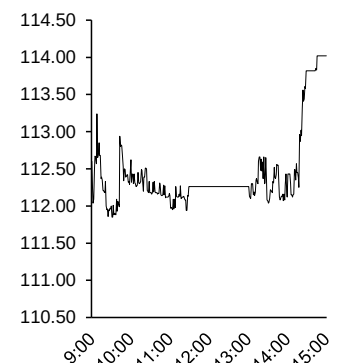
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-1.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.3%
Công nghệ Thông tin	-0.6%
Y tế	-0.5%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%
Bán lẻ	-0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Ngân hàng	-0.2%
Bảo hiểm	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%
Bất động sản	0.1%
Tài nguyên Cơ bản	0.4%
Dầu khí	0.4%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Dịch vụ tài chính	0.7%
Hóa chất	0.8%
Du lịch và Giải trí	2.2%
Truyền thông	4.7%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

ACV_ Hồi phục trung hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: ACV đang hình thành nhịp hồi phục sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ 50. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ở ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng đang hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ nhịp tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đang tiếp cận dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang hình thành. Nếu vượt được ngưỡng kháng cự 60 với mức thanh khoản lớn, cổ phiếu có thể trở về kiểm tra ngưỡng đỉnh cũ tại mức giá 75.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 4/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 4/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	47.66	1.04%	-2.18%	-7.76%	-18.35%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	52.38	1.00%	-0.81%	-4.08%	-20.73%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	154.45	0.86%	-1.28%	-7.27%	-13.36%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1644.68	0.23%	0.23%	4.31%	26.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.24	0.13%	-3.79%	-2.49%	12.32%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	904.75	0.14%	1.43%	2.03%	-6.87%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	525.00	-0.43%	-2.01%	-4.98%	2.69%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.31	-0.18%	-0.97%	-8.11%	3.56%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	171.70	-1.32%	-6.12%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.76	-0.36%	-6.65%	-3.84%	-0.65%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	122.20	5.71%	12.63%	17.90%	8.53%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5666.50	-0.59%	-0.33%	1.79%	-12.53%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3429.00	-0.20%	-0.98%	6.43%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1722.00	0.29%	1.12%	0.00%	-8.11%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	648.00	-0.92%	-1.29%	8.04%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.45	-0.52%	0.38%	-0.75%	-25.00%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent giảm 4 US cent xuống 51.86 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 43 US cent lên 47.18 US cent/thùng.
- Giá dầu Brent kết thúc phiên giảm nhẹ theo áp lực từ sự sụt giảm trong chứng khoán, nhưng đã giảm là nhẹ do các nhà sản xuất hàng dầu thế giới đã xem xét cắt giảm sản lượng thêm để hỗ trợ giá và Cục dự trữ liên bang Mỹ cắt giảm lãi suất trong một động thái khẩn cấp để bảo vệ nền kinh tế lớn nhất thế giới khỏi ảnh hưởng của virus corona. Ngân hàng trung ương tuyên bố đã cắt giảm lãi suất khoảng nửa điểm phần trăm để hỗ trợ giá dầu trong thời gian ngắn, nhưng các nhà giao dịch coi động thái của Fed như một dấu hiệu cho thấy tình hình nghiêm trọng hơn suy nghĩ.
- Bộ trưởng Dầu mỏ Algeria cho biết tổ chức OPEC và các nhà sản xuất đồng minh gồm cả Nga sẽ xem xét giảm sản lượng dầu đáng kể để nâng giá dầu. Một số thành viên OPEC đang cân nhắc cắt giảm sản lượng có thể là 1 triệu thùng/ngày.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 2.9% lên 1,636.25 USD/ounce, thiết lập ngày tăng mạnh nhất theo phần trăm kể từ tháng 6/2017. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 3.1% lên 1,644.4 USD/ounce.
- Giá vàng tăng hơn 3% sau khi ngân hàng trung ương Mỹ cắt giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế từ những tác động bởi virus corona, đồng thời hy vọng các ngân hàng trung ương nói lỏng chính sách. Chỉ số USD đã giảm xuống mức thấp nhất trong gần 2 tháng so với rổ các đồng tiền chủ chốt. Quyết định của Fed diễn ra sau khi các quan chức Tài chính G7 cho biết họ sẽ sử dụng tất cả các công cụ chính sách phù hợp để hỗ trợ kinh tế chống lại nguy cơ suy giảm do dự lây lan nhanh chóng của virus corona.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 0.9% lên 644.5 CNY (92.37 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc tiếp tục tăng do hy vọng chính phủ hỗ trợ nền kinh tế trong nước bị thiệt hại bởi virus corona và sau khi Brazil báo cáo xuất khẩu nguyên liệu thô sản xuất thép trong tháng 2 giảm 17.5% so với một tháng trước.

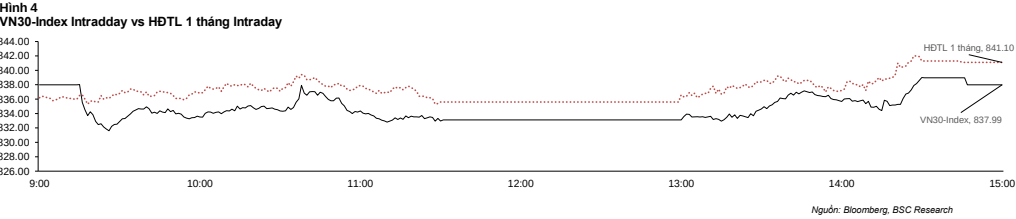
Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.05 US cent hay 0.4% xuống 13.76 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 trên sàn London giảm 2.7 USD hay 0.7% xuống 389.2 USD/tấn. Các đại lý lo ngại rằng các quỹ có thể tiếp tục giảm vị thế mua ròng đang hạn chế giá. Tuy nhiên, thị trường vẫn củng cố bởi nguồn cung hạn hẹp với thiếu hụt đáng kể trên toàn cầu trong niên vụ 2019/2020.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa tăng 6.6 US cent hay 5.7% lên 1,222 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 đóng cửa tăng 40 USD hay 3.1% lên 1,331 USD/tấn. Tổ chức Cà phê Quốc tế cho biết "trong khi cà phê đủ để đáp ứng yêu cầu hiện nay, nhưng mỗi lo ngại ngày càng tăng về sự sẵn có của cà phê arabica chất lượng". Xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm gần 8% trong tháng 1 so với cùng tháng năm trước. Các đại lý cho biết tâm lý trong dài hạn cũng được thúc đẩy bởi nguy cơ thiếu hụt cà phê toàn cầu trong niên vụ 2021/2022, năm cho sản lượng thấp trong chu kỳ 2 năm một lần của Brazil.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM tăng 1.5 JPY hay 0.9% lên 174 JPY/kg. Giá cao su trên sàn Thượng Hải tăng 0.7% lên 11,010 CNY/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	841.10	0.37%	3.11	-9.7%	123,322	3/19/2020	17
VN30F2004	842.40	-0.19%	4.41	-33.5%	230	4/16/2020	45
VN30F2006	850.00	0.15%	12.01	-40.7%	54	6/18/2020	108
VN30F2009	846.60	0.68%	8.61	-87.8%	19	9/17/2020	199

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giữ tại mức tham chiếu 837.99 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, HDB, VNM, và FPT tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên xuống gần 830 điểm. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại giằng co quanh vùng 834 – 838 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh vùng 825-840 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Ngoại trừ VN30F2004, các HDTL đều tăng trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 825 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CROS2001	KIS	6/19/2020	107	4:1	1,476,110	78.4%	10.0 triệu	49.71%	1,500	130	30.00%	-	
CDPM2002	KIS	12/16/2020	287	1:1	14,020	1302.0%	2.0 triệu	28.83%	1,700	1,960	15.29%	632.10	3.10
CHDB2002	MBS	4/10/2020	37	2:1	213,960	83.8%	1.5 triệu	24.11%	1,950	1,570	8.28%	1,208.80	1.30
CSTB2001	KIS	6/19/2020	107	1:1	173,300	-48.7%	5.0 triệu	24.24%	1,500	2,390	4.82%	1,761.90	1.36
CHPG2003	MBS	5/4/2020	61	3:1	239,850	-9.4%	6.0 triệu	26.50%	1,570	690	2.99%	1.20	575.00
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	51	5:1	110,990	-35.5%	2.0 triệu	21.32%	2,200	1,150	2.68%	453.50	2.54
CTCB1902	VND	6/5/2020	93	1:1	30,420	-2.6%	2.0 triệu	24.56%	5,300	2,970	2.41%	2,203.80	1.35
CHPG1909	KIS	5/15/2020	72	2:1	113,940	-51.3%	5.0 triệu	26.50%	1,800	590	1.72%	176.30	3.35
CVRE2001	KIS	9/21/2020	201	4:1	101,010	-9.0%	8.0 triệu	25.78%	1,500	660	1.54%	84.20	7.84
CHPG1907	SSI	4/22/2020	49	1:1	148,410	718.1%	1.0 triệu	26.50%	4,200	2,520	1.20%	1,779.20	1.42
CVPB2001	HSC	6/22/2020	110	2:1	17,790	-60.5%	5.0 triệu	27.33%	1,500	4,010	-1.23%	3,727.40	1.08
CMSN2001	KIS	12/16/2020	287	5:1	78,920	84.1%	2.0 triệu	27.41%	2,300	1,230	-2.38%	200.70	6.13
CREE1905	MBS	6/17/2020	105	3:1	58,600	-55.5%	2.4 triệu	23.84%	2,150	1,160	-2.52%	193.80	5.99
CMBB2001	HSC	6/22/2020	110	2:1	62,940	37.9%	5.0 triệu	22.15%	1,600	1,150	-3.36%	514.60	2.23
CMWG2002	MBS	4/24/2020	51	10:1	222,240	-8.3%	2.0 triệu	23.86%	1,950	1,130	-4.24%	500.30	2.26
CFPT1908	MBS	6/17/2020	105	3:1	254,930	108.4%	2.4 triệu	23.55%	3,150	2,180	-4.80%	1,332.80	1.64
CFPT2001	HSC	6/22/2020	110	5:1	232,080	10.9%	5.0 triệu	23.55%	1,600	1,160	-5.69%	600.70	1.93
CFPT1905	SSI	4/22/2020	49	1:1	46,270	43.8%	1.0 triệu	23.55%	9,900	3,670	-11.78%	2,350.30	1.56
CMBB1905	HSC	4/8/2020	35	2:1	563,340	234.3%	5.0 triệu	22.15%	1,700	290	-12.12%	25.40	11.42
CVIC1902	SSI	4/22/2020	49	1:1	7,900	-31.9%	1.0 triệu	16.28%	22,700	3,360	-15.37%	274.50	12.24
CVHM1902	SSI	4/22/2020	49	1:1	25,680	94.5%	1.0 triệu	21.92%	18,600	3,370	-17.00%	766.30	4.40
CMWG1907	HSC	4/8/2020	35	10:1	795,880	2958.7%	5.0 triệu	23.86%	1,900	150	-21.05%	4.50	33.33
Tổng:					4,988,580		79.30 triệu	25.34%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/03/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CDPM2002 tăng mạnh 15.29%. Trái lại, CVHM1902 và CVIC1902 giảm mạnh lần lượt là -17.00% và -15.37%. Thanh khoản thị trường tăng 31.41%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.82% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, STB, TCB và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	12.50	2.04	0.62
HDB	28.15	1.62	0.41
ROS	7.96	6.99	0.18
VJC	121.30	0.41	0.18
TCB	22.55	0.22	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	104.8	-0.47	-0.38
FPT	55.5	-0.72	-0.30
MBB	20.8	-0.72	-0.29
GAS	78.1	-2.38	-0.25
VCB	81.7	-0.61	-0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKKS
CROS2001	32,468	26,468	7,960
CDPM2002	16,952	15,252	12,750
CHDB2002	29,900	26,000	28,150
CSTB2001	12,499	10,999	12,500
CHPG2003	26,810	22,100	22,350
CPNJ2001	94,500	83,500	82,200
CTCB1902	26,300	21,000	22,550
CHPG1909	28,280	24,680	22,350
CVRE2001	42,789	36,789	28,450
CHPG1907	25,200	21,000	22,350
CVPB2001	23,000	20,000	27,150
CMSN2001	77,289	65,789	49,000
CREE1905	39,124	32,977	32,400
CMBB2001	24,200	21,000	20,750
CMWG2002	129,500	110,000	106,000
CFPT1908	63,450	54,000	55,500
CFPT2001	64,000	56,000	55,500
CFPT1905	64,900	55,000	55,500
CMBB1905	26,400	23,000	20,750
CVIC1902	137,700	115,000	105,500
CVHM1902	103,600	85,000	80,500
CMWG1907	144,000	125,000	106,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.0	-0.4%	0.8	2,089	3.1	8,655	12.2	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.2	0.2%	1.1	805	0.9	5,327	15.4	4.0	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	55.7	0.0%	1.3	1,798	0.2	1,632	34.1	2.2	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.0%	0.7	311	0.0	2,623	11.8	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	105.5	0.0%	0.9	15,515	2.0	2,268	46.5	4.7	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	28.5	0.0%	1.1	2,811	1.2	1,253	22.7	2.4	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.8	0.2%	0.8	2,268	1.4	3,552	15.1	2.3	6.5%	16.6%
REE	Bất động sản	32.4	0.0%	1.0	437	0.5	5,286	6.1	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	13.0	3.6%	1.6	295	1.9	2,850	4.5	1.0	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.3	1.9%	1.4	366	2.0	1,787	9.1	0.9	53.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	26.0	0.0%	1.0	186	0.0	4,218	6.2	1.1	35.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.8	2.6%	1.8	236	1.1	1,421	12.5	1.3	54.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	55.5	-0.7%	0.8	1,637	4.0	4,225	13.1	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	46.0	1.1%	0.4	497	0.0	4,812	9.6	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	78.1	-2.4%	1.5	6,499	1.0	6,096	12.8	3.1	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.3	0.0%	1.5	2,604	0.3	3,495	14.4	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.4	1.3%	1.5	320	2.6	1,529	10.1	0.6	20.4%	6.2%
BSR	Dầu khí	8.1	2.5%	0.8	1,092	0.6	1,163	7.0	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.8	0.0%	0.5	533	0.4	4,668	20.1	3.6	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.8	2.8%	0.6	217	0.7	774	16.5	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.3	3.8%	0.6	144	0.2	600	10.4	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	81.7	-0.6%	1.2	13,175	2.1	5,004	16.3	3.5	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	46.2	-1.6%	1.7	8,070	1.3	2,398	19.2	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.5	0.0%	1.5	4,282	5.2	2,541	10.4	1.3	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.2	0.0%	1.2	2,878	3.5	3,370	8.1	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.8	-0.7%	1.1	2,176	3.5	3,480	6.0	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.8	0.8%	1.2	1,858	5.6	3,686	7.0	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.8	1.0%	0.8	149	0.2	5,165	8.1	1.4	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	28.5	0.0%	0.3	122	0.2	4,167	6.8	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	0.7%	1.1	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.4	0.2%	1.0	2,683	2.9	2,581	8.7	1.3	38.5%	17.0%
HSG	Thép	7.7	1.4%	1.8	142	0.9	1,161	6.6	0.6	18.2%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	104.8	-0.5%	0.8	7,935	2.8	5,478	19.1	6.6	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	169.0	-0.6%	0.8	4,712	0.2	7,477	22.6	5.8	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.0	0.0%	1.2	2,490	1.9	4,772	10.3	1.3	38.5%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	20.9	-0.9%	0.4	533	2.2	508	41.2	1.7	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	58.3	2.3%	0.8	5,518	0.4	2,630	22.2	4.1	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	121.3	0.4%	1.1	2,763	2.1	7,889	15.4	4.1	19.5%	28.7%
HAV	Vận tải	24.3	6.8%	1.7	1,495	1.7	1,640	14.8	1.9	9.9%	12.8%
GMD	Vận tải	19.2	0.0%	0.9	247	0.2	1,595	12.0	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.0	-1.2%	0.6	147	0.4	2,421	5.0	0.8	31.1%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.2	-0.9%	1.1	467	0.5	8,824	7.6	3.1	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.0%	0.7	361	0.5	1,454	12.7	1.3	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.1	0.0%	0.9	234	0.1	1,953	7.2	1.0	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	68.5	0.1%	1.0	227	0.9	8,858	7.7	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.5	-0.4%	0.9	490	0.1	1,567	16.3	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.7	0.7%	0.4	244	0.3	2,769	8.2	1.0	50.1%	12.9%
POW	Điện	10.0	0.3%	0.6	1,014	1.2	1,064	9.4	0.9	12.9%	9.7%
NT2	Điện	20.0	0.3%	0.5	250	0.1	2,560	7.8	1.4	18.5%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVN	24.25	6.83	0.64	1.63MLN
STB	12.50	2.04	0.14	12.16MLN
HDB	28.15	1.62	0.13	1.57MLN
TPB	21.90	2.34	0.13	671700.00
GEG	22.45	6.90	0.09	427690.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.06	307460.00	1.11MLN
BID	0.00	-0.88	658350.00	607060.00
VCB	0.00	-0.54	581530.00	373600.00
VNM	0.00	-0.25	612800.00	192700.00
SAB	0.00	-0.19	30310.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ROS	7.96	6.99	0.09	4.88MLN
VNL	14.55	6.99	0.00	20.00
FLC	4.14	6.98	0.06	19.55MLN
QCG	5.22	6.97	0.03	62080.00
YEG	73.70	6.97	0.04	13750.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	6.51	-7.00	0.00	100.00
RDP	7.06	-6.98	-0.01	7620.00
VMD	20.00	-6.98	-0.01	3410.00
HOT	29.15	-6.87	-0.01	10.00
LM8	15.60	-6.87	0.00	190.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.00	6.19	0.93	50.02MLN
ACB	25.80	0.78	0.32	5.05MLN
IDJ	17.60	10.00	0.05	337600.00
PVS	15.40	1.32	0.05	3.99MLN
PGS	22.20	6.73	0.05	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NET	42.40	-8.82	-0.06	100.00
VCS	67.20	-0.88	-0.02	166200.00
API	12.40	-9.49	-0.02	100.00
SHS	8.40	-1.18	-0.02	1.29MLN
DNP	18.30	-1.08	-0.01	1900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

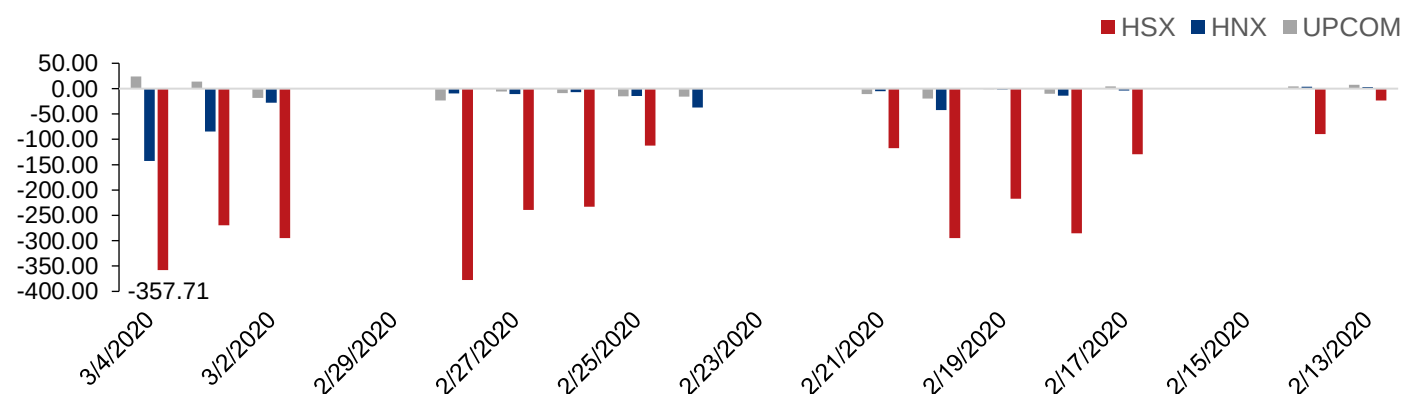
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.80	14.3	0.00	688200.00
PVX	1.00	11.1	0.02	778900.00
FID	1.10	10.0	0.00	100.00
IDJ	17.60	10.0	0.05	337600.00
CSC	29.30	9.7	0.01	149600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	-12.50	0.00	1.71MLN
ICG	7.20	-10.00	-0.01	4200.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	31800.00
SVN	1.80	-10.00	0.00	3100.00
TFC	5.40	-10.00	0.00	800.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	104.8	5,478	19.1	6.6	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.7	2,736	4.6	0.7	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	106.0	8,655	12.2	3.9	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.4	6,362	5.1	1.2	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	55.5	4,225	13.1	2.7	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	22.0	2,109	10.4	1.6	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.9	3,897	6.9	1.2	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	93.8	4,668	20.1	3.6	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	25.5	5,020	5.1	1.2	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.2	5,327	15.4	4.0	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.0	2,421	5.0	0.8	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	168.2	14,782	11.4	4.6	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	12.6	0	35.9	0.4	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	106.0	8,655	12.2	3.9	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.8	3,686	7.0	1.5	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.7	2,736	4.6	0.7	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.6	2,881	7.8	1.3	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	81.7	5,004	16.3	3.5	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	26.3	7,028	3.7	1.3	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.5	4,225	13.1	2.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VNM 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 127300 ; Giá tại Publish 106400 BSC dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST lần lượt là 62,211 tỷ đồng (+ 10.46% YoY) và 11,281.8 tỷ đồng (+6.6% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 5,840 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 18.2x, và PB fw = 5.4x. VNM DTT tăng trưởng ổn định đạt 56,318 tỷ đồng (+7.1% YoY) tính riêng Quý 4 đạt 14,239 tỷ đồng (tăng +9.5% YoY). BLNG cải thiện lên 47.2% trong 2019 tăng 46 điểm cơ bản so với cùng kì.
Express QNS 2020Q1	17/02/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 35450 ; Giá tại Publish 29000 BSC khuyến nghị MUA cổ phiếu QNS với giá mục tiêu 35,450 đồng/CP dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 7.0x , upside 20% Y/Y so với giá ngày 14/02/2020 là 29,500 đồng/cp. BSC dự báo DTT và LNST của QNS 2020 sẽ đạt lần lượt là 9,471.5 tỷ đồng (+22.6% YoY) và 1,400.9 tỷ đồng (+9.5% YoY), tương đương EPS 2020 là 4,685 vnd/cp (đã trừ đi QKTPL), PE fw là 6.4x và PB Fw là 1.2x.
Express SAB 2020Q1	10/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 190000 ; Giá tại Publish 195000 BSC cho rằng nghị định 100/2019 và dịch bệnh Corona sẽ ảnh hưởng tiêu cực của HDKD ngành bia và đặc biệt SAB trong 2020. Chúng tôi cho rằng sản lượng bia thông qua kênh on-trade (chiếm gần 70-80% doanh thu) sẽ giảm đáng kể từ 15-20% do nhu cầu tiêu thụ bia rượu ở các quán ăn giảm mạnh do ND 100 và dịch bệnh nCoV. Bên cạnh đó, giá bán bia sẽ điều chỉnh giảm theo cung-cầu của thị trường từ 5-10%. Trong trường hợp xấu nhất, BSC dự báo KQKD SAB 2020 với DTT và LNST đạt lần lượt 30,461 tỷ đồng (-20% YoY) và 4,936 tỷ đồng (-8.1% YoY) , tương ứng EPS FW là 6,939 vnd/cp.
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn